

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 08 tháng 7 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 158/2019/TLST-DS, ngày 07 tháng 6 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự :

Nguyên đơn: 1/ Bà **Trương Thị L**, sinh năm 1968.

2/ Ông **Phan Văn H**, sinh năm 1966.

Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Bị đơn: 1/ Ông **Nguyễn Minh H2**, sinh năm 1959.

2/ Bà **Đỗ Thị Phi Y**, sinh năm 1969.

Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Đỗ Thị Phi Y, ông Nguyễn Minh H2 thừa nhận còn nợ bà Trương Thị L, ông Phan Văn H số nợ là 12 chỉ vàng 24K.

Bà Đỗ Thị Phi Y, ông Nguyễn Minh H2 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trương Thị L, ông Phan Văn H số nợ là 12 chỉ vàng 24K, thời gian và cách thức trả như sau:

- Lần 1, ngày 01/5/2020, trả 03 chỉ vàng 24K.
- Lần 2, ngày 01/3/2021, trả 03 chỉ vàng 24K.
- Lần 3, ngày 01/01/2022, trả 03 chỉ vàng 24K.
- Lần 4, ngày 01/11/2022, trả 03 chỉ vàng 24K.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Trương Thị L, ông Phan Văn H cho đến khi thi hành án xong, bà Đỗ Thị Phi Y, ông Nguyễn Minh H2 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

*** Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:** (Giá vàng tại thời điểm giải quyết hai bên thống nhất là 3.600.000 đồng (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng)/ 1 chỉ vàng 24K).

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: $((12 \text{ chỉ vàng } 24K \times 3.600.000 \text{ đồng}) \times 5 \%) / 2 = 1.080.000 \text{ đồng}$ (Một triệu không trăm tám mươi nghìn đồng).

Bà Trương Thị L, ông Phan Văn H tự nguyện chịu án phí là 540.000 đồng (Năm trăm bốn mươi nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền mà bà Loan, ông Hùng đã nộp 1.080.000 đồng (Một triệu không trăm tám mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003388 ngày 07 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre. Vậy, bà Trương Thị L, ông Phan Văn H được hoàn lại số tiền chênh lệch là 540.000 đồng (Năm trăm bốn mươi nghìn đồng).

Bà Đỗ Thị Phi Y, ông Nguyễn Minh H2 phải chịu án phí là 540.000 đồng (Năm trăm bốn mươi nghìn đồng). Tuy nhiên, ông Nguyễn Minh H2 là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Vậy, bà Đỗ Thị Phi Y phải chịu án phí là 270.000 đồng (Hai trăm bảy mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV&THA);
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Trần Văn Tuấn